

Bản án số: 97/2017/HSST
Ngày 30/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đăng Thanh; Ông Nguyễn Tất Bấy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 92/2017/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn P**, sinh năm 1995; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện L, Bắc Giang; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1967 và con bà Bùi Thị H, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị em ruột: Có 3 anh chị em, bị cáo là thứ 3; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 95/2015/HSST ngày 03/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 05 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (Tổng số tiền đánh bạc là 4.810.000 đồng); Trong vụ án này bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/8/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:**

1. Anh Bế Văn B, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Trần Văn N, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Trương Văn T, sinh năm 1992 (Có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Lãnh Văn H, sinh năm 1966 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
5. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1971 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
6. Anh Trần Văn T, sinh năm 1977 (Có mặt)
Trú tại: Phố K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1967 (Có mặt)
Trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
2. Anh Tô Văn T, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
3. Anh Lãnh Văn H, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
4. Ông Bé Văn M, sinh năm 1958 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
5. Anh Trần Văn T, sinh năm 1994 (Có mặt)
Trú tại: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
6. Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1961 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
7. Chị Trần Thị T, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
8. Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn Q, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
9. Anh Nông Minh T, sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Trú tại: Khu 5, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Hoàng Văn P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 12/10/2016 đến ngày 10/5/2017, Hoàng Văn P, sinh năm 1995, trú tại thôn C, xã P, huyện L đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện L rồi mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 12/10/2016, Hoàng Văn P đi bộ từ nhà sang thôn M, xã G, huyện L với mục đích xem nhà ai có tài sản gì sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài. Khi đi qua vườn vải thiều của gia đình anh Trần Văn N, sinh năm 1973, trú tại thôn M, xã G, huyện L, Phát thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, biển số 98E1- 07820 của anh N đang dựng ở rìa đường đất, đầu xe quay vào vườn vải, đuôi xe quay ra hướng ngoài đường. Quan sát xung

quanh không có ai, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, P tiến lại gần chiếc xe và quay đầu xe rồi dắt bộ chiếc xe ra ngoài đường được khoảng 10m thì ngồi lên xe nổ máy đi. P điều khiển xe theo hướng đi xã T, huyện L, rồi đi theo đường quốc lộ 290 hướng xã T, huyện L. Khi đến xã Tn, huyện L, P đỗ xe lại và mở cốp xe thì thấy trong cốp có 01 đăng ký xe mô tô biển số 98E1- 07820 mang tên Trần Văn N, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn T, xong P tiếp tục điều khiển xe đi lên huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn sau đó bán chiếc xe cùng đăng ký xe vừa trộm được cho một người đàn ông không quen biết với giá 8.000.000 đồng, còn giấy phép lái xe mang tên Trần Văn T thì P đã vứt đi. Số tiền bán xe P đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân hết. Đối với anh Trần Văn N sau khi bị mất xe mô tô đã có đơn trình báo sự việc đến Công an huyện L đề nghị giải quyết và bồi thường thiệt hại.

Ngày 17/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, biển số 98E1- 07820 mà P trộm cắp của anh Trần Văn N. Tại kết luận định giá tài sản số 230/KL-HĐ ngày 19/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L xác định: Giá trị của tài sản ở thời điểm chiếm đoạt là 7.400.000 đồng.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, biển số 98E1- 07820 cùng đăng ký xe mang tên Trần Văn N; 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn T, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy nên không tiến hành thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn N yêu cầu P phải bồi thường cho anh giá trị chiếc xe mà P đã trộm cắp. Đối với giấy phép lái xe mang tên Trần Văn T, anh T không đề nghị P phải bồi thường.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 31/10/2016, Hoàng Văn P đi bộ từ nhà sang xã T với mục đích xem ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến địa phận thôn T, xã T, huyện L, phát hiện thấy có một đám cưới ở rìa đường, đó là đám cưới của gia đình ông Nông Văn K, sinh năm 1975. P đi vào khu vực gần cổng đám cưới quan sát thấy có nhiều xe mô tô dựng ở vườn vải ngoài cổng không có ai trông giữ. Lợi dụng sơ hở và trời tối, P đi đến chỗ dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 98E1-26994, chiếc xe đó là của anh Trương Văn T, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã T, huyện L đến hộ đám cưới dựng ở đó, xe không khóa cổ. Phát dùng chiếc chìa khóa mang theo sẵn cho vào ổ khóa điện mở thì thấy mở được. P quay đầu xe, nổ máy rồi đi thẳng về vườn vải của gia đình mình cất giấu. Khoảng một tuần sau P mang chiếc xe trộm cắp được đi xuống khu vực quận H, thành phố H chơi. Khoảng 20 giờ cùng ngày, khi P dựng xe ở địa đường để vào

quán uống nước thì bị trộm cắp mất. Còn anh Trương Văn T sau khi bị mất xe mô tô đã có đơn trình báo Công an huyện L.

Ngày 17/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 98E1-26994 mà P trộm cắp của anh Trương Văn T. Tại Kết luận định giá tài sản số 232/KL-HĐ ngày 19/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L xác định: Giá trị của chiếc xe trên ở thời điểm chiếm đoạt là 11.970.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 98E1-26994, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trương Văn T yêu cầu P phải bồi thường giá trị chiếc xe mà P đã trộm cắp.

Vụ thứ ba: Khoảng 7 giờ ngày 05/11/2016, Hoàng Văn P đến nhà ông Lãnh Văn H, sinh năm 1966, trú tại thôn P, xã P, huyện L để ăn cỗ cưới con trai ông H là Lãnh Văn H1. Khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống, đi đón dâu và tổ chức đám cưới xong, P đi vào phòng khách nhà ông H thì nhìn thấy có chiếc chìa khóa xe máy để ở cạnh tủ ti vi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. P cầm chìa khóa đi ra khu vực đầu hồi nhà ông H thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển số 98E1 – 09143 của gia đình ông H đang dựng ở đó, đầu xe hướng vào trong sân, đuôi xe hướng ra bờ tường vành lao. P cầm chìa khóa vào ổ khóa điện để mở khóa sau đó quay đầu xe ra hướng ngoài đường rồi nổ máy đi. P điều khiển xe thẳng lên thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang với mục đích tìm cửa hàng cầm đồ để cầm cố. Khi điều đi qua phố B, xã B, huyện L khoảng 500m, P đỗ lại mở cốp xe thì thấy trong cốp xe có đăng ký xe mang tên Lãnh Văn H và giấy phép lái xe cùng chứng minh thư mang tên Lãnh Văn H1. P tiếp tục điều khiển xe lên thị trấn A huyện S sau đó cầm cố chiếc xe cùng giấy tờ vừa trộm cắp được cho anh Nông Minh T, sinh năm 1987, trú tại khu 5, thị trấn A, huyện S là chủ hiệu cầm đồ. Sau khi kiểm tra xe cùng giấy tờ xe, T đồng ý cầm cố xe cho P lấy 15 triệu đồng. Sau khi nhận được tiền, P có hẹn với T là 10 ngày sau sẽ quay lại để chuộc. Nhưng sau đó P không có tiền nên P đã bảo gia đình chuộc lại xe để trả cho ông Lãnh Văn H. Số tiền cầm xe P đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi bị mất tài sản, ông Lãnh Văn H có đơn trình báo sự việc đến Công an huyện L.

Ngày 17/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển số 98E1- 09143 mà P trộm cắp của ông Lãnh Văn H. Tại Kết luận định giá tài sản số 233/KL-HĐ ngày 19/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong

tổ tụng hình sự huyện L xác định: Giá trị của chiếc xe trên ở thời điểm chiếm đoạt là 12.000.000 đồng.

Ngày 02/01/2017, ông Hoàng Văn T, sinh năm 1967, trú tại thôn C, xã P, huyện L là bố đẻ Hoàng Văn P đã chuộc lại chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ với giá 21.000.000 đồng rồi trả cho ông Lãnh Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lãnh Văn H và anh Lãnh Văn H1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Vụ thứ tư: Khoảng 15 giờ ngày 19/11/2016, Hoàng Văn P đi bộ một mình từ P xuống xã H với mục đích xem nhà ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài. Khi đi đến địa phận thôn C, xã H, huyện L thì thấy có một đám hiệu. P dừng lại quan sát thì thấy trong sân nhà bên cạnh đám hiệu, đó là nhà ông Hoàng Văn M, sinh năm 1961 có dựng nhiều xe máy ở sân nhưng không có ai trông giữ. Lợi dụng lúc không có người, P tiến lại gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 98E1- 24804 dựng ở góc sân phía trong bên phải gần với cửa bếp, đó là xe mô tô của chị Hoàng Thị T, sinh năm 1971, trú tại thôn M, xã G, huyện L đến đám hiệu. P dùng chiếc chìa khóa mang theo sẵn để mở ổ khóa điện. Sau khi mở được ổ khóa, P quay đầu xe và nổ máy ngồi lên xe đi ra hướng ngã 3 K, xã H rồi đi thẳng lên thị trấn A, huyện S. Khi đi qua phố B, xã B, huyện L khoảng 02km, P đỗ xe lại và mở cốp xe ra thì phát hiện trong cốp xe có 01 đăng ký xe ; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Tô Văn T và 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Thị T. Xong P tiếp tục điều khiển xe đi lên thị trấn A, huyện S và bán cho một người đàn ông đi đường không quen biết với giá 9.000.0000 đồng. Số tiền bán xe P đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi bị mất tài sản, chị Hoàng Thị T có đơn trình báo sự việc đến Công an huyện L.

Ngày 07/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 98E1-24804 mà P trộm cắp của chị Hoàng Thị T. Tại Kết luận định giá tài sản số 191/KL-HĐ ngày 08/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L xác định: Giá trị của tài sản ở thời điểm chiếm đoạt là 10.680.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 98E1 – 24804 cùng đăng ký xe mang tên Tô Văn T, 01 giấy phép lái xe mang tên Tô Văn T, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Thị T, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Hoàng Thị T yêu cầu P phải bồi thường giá trị chiếc xe mà P đã trộm cắp. Anh Tô Văn T và chị Trần Thị T không yêu cầu bồi thường gì.

Vụ thứ năm: Khoảng 23 giờ ngày 30/4/2017, Hoàng Văn P đang chơi ở thôn M, xã P, huyện L thì gặp Phạm Văn Đ, sinh năm 1996, trú tại thôn C, xã P, huyện L. P nhờ Đ chở P vào xã Đ, huyện L có việc. Đ đồng ý và điều khiển xe mô tô của Đ chở P đi. Khi đến cổng trường Trung học cơ sở xã Đ, huyện L thì P bảo Đ dừng xe để P xuống, còn Đ đi xe về. P đi bộ đến gần một đám cưới ở khu vực ngã 3 thôn Q, xã Đ, huyện L, đứng lại và quan sát xung quanh thì thấy trước cửa quán Internet của gia đình chị Phùng Thị M, sinh năm 1991 bên cạnh đám cưới có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 98M1-07840 đầu xe quay vào trong quán, đuôi xe quay ra ngoài đường, đó là xe mô tô của anh Bé Văn B, sinh năm 1993, trú tại thôn A, xã Đ, huyện L đến quán nét của chị M chơi dừng ở đó. P để ý không có ai trông giữ nên đã tiến lại gần rồi dùng chiếc chìa khóa mang theo để mở khóa điện và đã mở được. Khi đang chuẩn bị dắt xe đi thì P thấy có người từ trong quán đi ra, sợ bị phát hiện nên P quay ra ngoài đường đứng đợi. Khoảng 15 phút sau, không thấy có ai đi lại nên P quay lại dắt chiếc xe của anh B ra đường nhựa, sau đó nổ máy đi về thôn C, xã P, huyện L. Do lúc này đã muộn nên P đi thẳng xe vừa trộm được lên vườn vải của gia đình P cất giấu. Đến ngày 03/5/2017, P đi lên vườn vải lấy xe sau đó điều khiển xe đi đến nhà anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1983, trú tại thôn Q, xã P, huyện L hỏi vay Đ số tiền 4.000.000 đồng và để lại chiếc xe làm tin. Đ đồng ý và đưa cho P số tiền 4.000.000 đồng, có được tiền P chi tiêu vào mục đích cá nhân hết. Sau khi bị mất tài sản, anh Bé Văn B đã có đơn trình báo sự việc đến Công an huyện L.

Quá trình điều tra, anh Bé Văn B giao nộp 01 đĩa CD có chứa file dữ liệu cốp từ camera an ninh nhà chị Phùng Thị M; anh Bùi Văn Đ tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 98M1-07840 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 07/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 98M1-07840 mà P trộm cắp của anh Bé Văn B. Tại Kết luận định giá tài sản số 185/KL-HĐ ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L xác định: Giá trị của tài sản ở thời điểm chiếm đoạt là 7.000.000 đồng.

Ngày 20/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 98M1-07840 cho anh Bé Văn B là chủ sở hữu hợp pháp. Những vật chứng còn lại được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Bé Văn B đã nhận lại chiếc xe mô tô và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm gì khác. Anh Bùi Văn Đ không đề nghị P bồi thường số tiền đã cho P vay.

Vụ thứ 6: Khoảng 08 giờ ngày 10/5/2017, Hoàng Văn P đi bộ vào trong thôn thì gặp Phạm Văn Đ, sinh năm 1996, trú tại thôn C, xã P, huyện L. Đ chở P đi xuống phố K, xã H, huyện L chơi điện tử. Đ và P ngồi chơi điện tử đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì P bảo Đ chở P lên xã B chơi. Đ đồng ý và điều khiển mô tô chở P đi. Khi đi đến ngã 3 K, xã H, huyện L thì P bảo Đ dừng xe cho P xuống rồi Đ đi về. P đi bộ theo hướng lên xã B khoảng 300m thì quan sát thấy nhà anh Trần Văn T, sinh năm 1977, trú tại phố K, xã H, huyện L có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển số 98K1- 5345 ở sân, đầu xe quay vào cửa nhà, đuôi xe quay ra đường. P để ý không thấy có ai trông giữ, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện nên đã tiến lại chiếc xe mở khóa điện và quay đầu xe sau đó ngồi lên xe nổ máy đi. P điều khiển xe theo hướng lên xã B, huyện L. Khi đến ngã 3 C, xã P, P rẽ theo đường đi T để về nhà lấy quần áo. Sau đó P điều khiển chiếc xe trộm cắp được xuống thành phố B bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 6.000.000 đồng. Số tiền bán xe P đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi bị mất tài sản, anh Trần Văn T đã có đơn trình báo sự việc đến Công an huyện L.

Ngày 17/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô P trộm cắp của anh Trần Văn T. Tại Kết luận định giá tài sản số 231/KL-HĐ ngày 19/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L xác định: Giá trị của tài sản ở thời điểm chiếm đoạt là 12.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển số 98K1 – 5345, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn T đề nghị P bồi thường giá trị của chiếc xe P đã trộm cắp.

Từ những nội dung trên, bản Cáo trạng số 95/KSĐT ngày 10/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố Hoàng Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Văn P đã khai nhận rõ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Một số người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của họ tại phiên tòa.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt Hoàng Văn P từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/8/2017.

- Về trách nhiệm dân sự dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Hoàng Văn P phải bồi thường cho anh Trần Văn N 7.400.000 đồng; Anh Trương Văn T 11.970.000 đồng; Bà Hoàng Thị T 10.680.000 đồng; Anh Trần Văn T 12.000.000 đồng.

Đối với anh Lãnh Văn H, anh Bé Văn B đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì; Anh Bùi Văn Đ không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã vay 4.000.000 đồng; Ông Hoàng Văn T (bố đẻ bị cáo) không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền 21.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra để chuộc xe máy trả cho ông Lãnh Văn H. Do vậy về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với những người này không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo Hoàng Văn P, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt đều không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Văn P khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/10/2016 đến ngày 10/5/2017 bị cáo đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 61.050.000 đồng. Toàn bộ số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, đơn trình báo của những người bị hại, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Hoàng Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Bản Cáo trạng số 95/KSĐT ngày 10/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Hoàng Văn P về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận để xem xét.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy cần có một hình phạt nghiêm và tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo đã thực hiện liên tiếp 06 hành vi phạm tội. Nhưng vì bị cáo đã bị truy tố theo tổng giá trị tài sản của 06 lần phạm tội nên tình tiết này không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần xem xét áp dụng khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Xét về nhân thân đối với bị cáo thì thấy: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 95/2015/HSST ngày 03/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt bị cáo 05 tháng tù về tội “Đánh bạc” (Số tiền đánh bạc trong vụ án đó là 4.810.000 đồng), hiện bị cáo đã chấp hành xong bản án này. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội hướng dẫn việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì án tích này của bị cáo đã được coi là “Đương nhiên được xóa án tích”. Do vậy lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp tái phạm, nhưng bị cáo vẫn bị coi là có nhân thân xấu.

Mặc dù đã có nhân thân xấu, từng bị Tòa án tuyên xử phạt tù nhưng bị cáo không lấy đó là bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật, bị cáo liên tiếp thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản của người khác trong một khoảng thời gian ngắn. Qua đó chứng tỏ bị cáo là kẻ ham ăn chơi, hưởng thụ, lười lao động, là người khó giáo dục, cải tạo và thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện

cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự để xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo nhưng xét thấy bị cáo là người không có công ăn, việc làm ổn định, vừa mới chấp hành xong án phạt tù, do vậy xét thấy cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật cũng như thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về trách nhiệm dân sự dân sự:

- Đối với anh Lã Văn H, anh Bế Văn B đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác; Anh Bùi Văn Đ không yêu cầu phải hoàn trả số tiền đã vay 4.000.000 đồng; Ông Hoàng Văn T (bố đẻ bị cáo) không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 21.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra để khắc phục hậu quả cho bị cáo. Do vậy về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với những người này Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với yêu cầu của anh Trần Văn N, anh Trương Văn T, bà Hoàng Thị T, anh Trần Văn T: Những người bị hại này đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị của tài sản đã bị bị cáo trộm cắp theo định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L. Xét thấy thiệt hại về vật chất của những người bị hại là do hành vi trái pháp luật của bị cáo gây ra, việc những người này yêu cầu bị cáo phải bồi thường là chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy cần buộc bị cáo Hoàng Văn P phải bồi thường cho anh Trần Văn N số tiền 7.400.000 đồng; Anh Trương Văn T số tiền 11.970.000 đồng; Bà Hoàng Thị T số tiền 10.680.000 đồng; Anh Trần Văn T số tiền 12.000.000 đồng.

Đối với người mà bị cáo khai đã mua lại chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp của anh Trần Văn N, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với người đã trộm cắp lại chiếc xe mô tô mà bị cáo trộm cắp của anh Trương Văn T khi bị cáo sử dụng chiếc xe này đi ra quận H, thành phố H. Cơ quan điều tra không xác định được đối tượng đã trộm cắp lại chiếc xe mô tô này, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Nông Minh T là người đã cầm cố chiếc xe mô tô mà P trộm cắp của ông Lã Văn H, anh T không biết chiếc xe đó do P trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tuy nhiên, anh Tuấn đã vi phạm điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ “Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã có công văn gửi Công an huyện S xem xét ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T. Hội đồng xét xử

xét thấy việc xử lý trách nhiệm đối với anh Nông Minh T như trên là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với người đàn ông mà bị cáo khai là đã mua chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp của chị Hoàng Thị T. Cơ quan điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ của người này. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với người đàn ông mà bị cáo khai đã mua chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp của anh Trần Văn T. Cơ quan điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên không có căn cứ xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Bùi Văn Đ là người đã cho P vay 4.000.000 đồng và giữ lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave, biển số 98M1-07840 của P làm tin. Quá trình điều tra xác định anh Đ không biết chiếc xe mô tô P để lại làm tin là do P trộm cắp của anh Bê Văn B mà có. Do vậy không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Bùi Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với Phạm Văn Đ là người chở P đến ngã 3 K, xã H, quá trình điều tra xác định Đ không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tách hành vi của Phạm Văn Đ để điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau. Hội đồng xét xử xét việc tách hành vi của Phạm Văn Đ để điều tra, xử lý sau là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, xử lý đối với Phạm Văn Đ trong vụ án này.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Các Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt: Hoàng Văn P 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 17/8/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 357; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Hoàng Văn P phải bồi thường cho anh Trần Văn N số tiền 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng); Anh Trương Văn T số tiền 11.970.000 đồng (Mười một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng); Bà Hoàng Thị T số tiền 10.680.000 đồng (Mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng); Anh Trần Văn T số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 24; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Hoàng Văn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.102.500 đồng (Hai triệu một trăm linh hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; Nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- UBND xã P, huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn